

Bản án số: 08 /2022/DS-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhựt Thảo

Bà Trần Thị Quế Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tú– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST- DS ngày 4 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 9 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn M, sinh năm: 1971 (có mặt)

Bà Võ Thị Lệ T, sinh năm: 1971 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ 21, ấp B, xã B, huyện C, An Giang

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1984 (có mặt)

Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ 8, ấp H, xã H, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 10/12/2021 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Phan Văn M +bà Võ Thị Lệ T trình bày: Vào ngày 07/9/2021, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N có mượn của chúng tôi số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thời gian mượn là 60 ngày, kể từ ngày 7/9/2021 đến ngày 7/11/2021, có làm biên nhận mượn tiền, ký ngày 7/9/2021 nhưng đã quá thời gian hứa hẹn mà vợ chồng ông T, bà N không thực hiện lời hứa. Chúng tôi có đến gia đình vợ chồng ông T thì chỉ gặp được ông T, ông T trả lời vợ đi đâu không biết, không chịu trách nhiệm số tiền đã mượn. Ngày 8/11/2021 chúng

tôi gửi đơn đến Ban nhân dân ấp Hoà Thạnh nhưng ông T, bà N vẫn vắng không lý do. Nay ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lê T yêu cầu ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N yêu cầu trả số tiền 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

-Tại bản tự khai ngày 10/01/2022 bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Vợ tôi là bà Bùi Thị N có hỏi vay mượn ông Phan Văn M số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tôi hoàn toàn không hay biết. Khoảng thời gian sau đó ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lê T có ra nhà tôi nói là vợ tôi có vay mượn 200.000.000 đồng và kêu tôi ký tên vào giấy vay mượn, tôi thật sự bất ngờ không hay biết vụ việc này, tôi có hỏi vợ là có vay mượn tiền không, vợ tôi nói là có vay mượn nên tôi có ký tên là xác nhận đã vay mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với lãi suất là 5%/tháng. Từ khi vay đến nay tôi và bà Nhung không có đóng lãi cho ông M và bà T. Sau thời gian sau đó, tôi mới biết vợ tôi còn thiếu nợ rất nhiều người nữa nên bán đất bán nhà bán tất cả tài sản có giá trị để trả nợ cho người ta nên không còn để trả cho ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lê T. Nay ông T xác nhận ông và bà N có nợ ông M và bà T số tiền 200.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn tôi xin trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ, bà N bỏ nhà đi làm ăn xa khoảng 03 tháng nay không về nhà.

Đối với bị đơn bà Bùi Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tòa án tiến hành xác minh sự vắng mặt của bà N. Qua xác minh tại địa phương thì bà N vẫn còn hộ khẩu cư ngụ tại tổ 8, ấp H, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang nhưng bà N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Bùi Thị N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa ông Phan Văn M, bà Võ Thị Lệ T với ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N trên thực tế là có xảy ra trên cơ sở tờ biên nhận mượn tiền ngày 7/9/2021 với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày 7/9/2021 đến ngày 7/11/2021. Trong quá trình vay nợ ông T, bà N không đóng lãi và không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay ông M, bà T yêu cầu ông T, bà N phải trả một lần số tiền còn thiếu là 200.000.000 đồng. Còn đối với bị đơn ông T cho rằng trong thời gian chung sống thì ông và bà N cùng lo kinh tế cho gia đình, việc bà N vay nợ ông M, bà T lúc nào thì ông không biết đến khi ông M, bà T đến nói với ông thì ông mới biết. Nay ông xác nhận có ký tên vào tờ biên nhận ngày 7/9/2021 và đồng ý trả số tiền trên cho ông M, bà T, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Còn bà Bùi Thị N trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì bà N không đến tòa tham gia hòa giải, nhưng căn cứ vào lời thừa nhận của ông T và cho biết việc bà N có vay nợ ông M, bà T và căn cứ vào tờ biên nhận ngày 7/9/2021 thì việc bà N có nợ ông M, bà T là có xảy ra. Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, bà T. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn M, bà Võ Thị Lệ T buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 200.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+Ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lệ T được nhận lại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002801 ngày 4 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+Ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N phải chịu số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lệ T

2.Buộc Ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lệ T tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

3.Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lệ T được nhận lại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002801 ngày 4 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+Ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị N phải chịu số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về kháng cáo: Ông Phan Văn M và bà Võ Thị Lệ T, ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/3/2022). Bà Bùi Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6.Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung